

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **3838**UBND-KTTH

V/v hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với 25 lô đất còn lại thuộc khu tái định cư Liên Hiệp I, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày **03** tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

Thực hiện Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2673/STC-QLGCS ngày 15/6/2022 (kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 272/BĐS-CIVS ngày 30/5/2022 của Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung) và Báo cáo thẩm định số 28/BC-TGV ngày 07/7/2022 của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh đã tổ chức thẩm định và ban hành Thông báo số 33/TB-HĐTĐGD ngày 22/7/2022 về kết quả thẩm định phương án giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với 25 lô đất còn lại thuộc khu tái định cư Liên Hiệp I, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 40/TTr-STC ngày 26/7/2022, UBND tỉnh thống nhất và đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến về hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với 25 lô đất còn lại thuộc khu tái định cư Liên Hiệp I, Phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi để làm cơ sở triển khai thực hiện các nội dung tiếp theo (chi tiết theo phụ lục kèm theo).

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHthuc347

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Phiên**





## PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 3838/UBND-KTTH ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh)

Số TT	Số hiệu lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá đất trong bảng giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất	Giá đất của thửa đất cần định giá làm tròn (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)x(4)x(5)
1	TDC7-4	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
2	TDC7-5	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
3	TDC7-6	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
4	TDC7-7	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
5	TDC7-8	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
6	TDC7-11	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
7	TDC7-12	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
8	TDC7-13	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
9	TDC8-1	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
10	TDC8-2	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
11	TDC8-3	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
12	TDC8-4	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
13	TDC8-5	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
14	TDC8-6	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
15	TDC8-7	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
16	TDC8-8	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
17	TDC8-9	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
18	TDC8-10	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
19	TDC8-11	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
20	TDC8-12	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
21	TDC8-13	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
22	TDC8-14	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
23	TDC8-15	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
24	TDC8-16	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
25	TDC8-17	100	7.000.000	4,15	2.905.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.500</b>			<b>72.625.000.000</b>

